

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		C10+TD2+TD5	7:25	3+1+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 3 C10-Td5
2		<i>Nb2</i> P3+TTC2+TD3	7:25	0+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 p3-ttc2
3		P1+TD5+TD3	9:25	5+14+2	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLO - TD2 - TD5	CREW: TTrung - NPhú - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRẦN TRUNG	CLO	06-07	2	11		71	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ HUY BÁC	CLO	08-09	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOAI	CLO	02	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
4	BUI HONG SANG	TD2	21	1	11	16	95	XAYLAP	Vietnamese
5	DAVYDOV DANIIL	TD5					69	KHOAN	Russian
6	CHUSH MAKSIM	TD5	16	1	7		97	KHOAN	Russian
7	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	13-14	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
8	VI HUNG CUONG	TD5	25	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUAN	TD5	32	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
10	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	24	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG HOAN	TD5	20	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO THANH SƠN	TD5	22-23	2	4		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HIEU	TD5	35	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	17	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM HỮU HUÂN	TD5	33	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN NGHĨA	TD5	34	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGA	TD5	12	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	18-19	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG XUÂN THI	TD5	26	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	31	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
21	LUU THIE DIEN	TD5	21	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	15	1	6		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	5	36	198	0	073		CHUYEN 3 PAX TU CLO SANG TD5
2	TD2	1	1	11	95	16	0		
3	TD5	18	20	136	1.322	0	22		
TOTAL		22	26	183	1.615	16	22		
WEIGHT KG				183	1.615	16			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/04/2022	TO: PVD2 - P3 - TTC2 - TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - MTHĂNG - thông	ETA: 09:25
TRANG-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELYAEV	PVD2	81	1	13		82	KH-THAC	Russian
2	VU TRUNG KIEN	PVD2	82	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC KHOI	PVD2	83	1	14		73	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH VAN TAM	PVD2	84	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HAI	TD3	12	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	OLENIK IVAN	TD3	26	1	6		75	KHOAN	Russian
7	BUI HUU VUNG	TD3	29	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
8	CHU VAN THANG	TD3	25	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
10	HA VAN PHUC	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
11	VUONG TRUNG DUONG	TD3	46	1	9	40	73	BASON-SH	Vietnamese
12	TRAN MINH TIEN	TD3	86	1	10		60	BASON-SH	Vietnamese
13	LE VO THANH KHANG	TD3	24	1	10		57	BASON-SH	Vietnamese
14	LE TU HOP	TD3	27	1	3	50	67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VIET HUNG	TD3	11	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN CANH THAC	TD3	18	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU NHAN	TD3	28	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUAN	TD3	13	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN CONG MINH	TD3	15	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN NGOC TUAN	TD3	14	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG VIET	TD3	17	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN HUYNH LAM	TD3	19	1	12		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	4	4	54	292	0	0		CHUYEN 2 PAX P3-TTC2
2	P3	0	0	0	0	0	1	+2	
3	TTC2	0	0	0	0	0	0		
4	TD3	18	16	117	1.272	90	21		
TOTAL		22	20	171	1.564	90	22		
WEIGHT KG				171	1.564	90			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

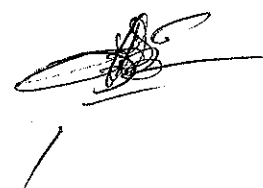
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P1 - TD5 - TD3	CREW: TTrung - NPhú - Toan	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA TRUNG HIEU	P1	27	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HAI NAM	P1	28	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LE TRI HAI	P1	23	1	12	15	65	XAYLAP	Vietnamese
4	LAI HUY CUONG	P1	25	1	10	17	62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRUONG VAN NGHIA	P1	21-22	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUE	TD5	83	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG DINH THO	TD5	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TÔ THANH HUNG	TD5	85	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH CÔNG	TD5	80	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CAO KHANH	TD5	86	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH ĐỨC KIEN	TD5	79	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO QUANG MINH	TD5	81	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHAT	TD5	65	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LINH	TD5	11	1	10		65	DVL	Vietnamese
16	TRẦN THAI AN	TD5	10	1	12		70	DVL	Vietnamese
17	DƯƠNG DANH THIN	TD5	67-68	2	11		60	SHINTRAC	Vietnamese
18	HỒ SỸ THIÊ	TD5	66	1	9		70	SHINTRAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THỊNH	TD5	64	1	6		66	SHINTRAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HOANG	TD3	87-88	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
21	VU HUU QUYET	TD3	89-90	2	18		71	KHOAN	Vietnamese
22	PIAM HOANG THAI BAO	TD3	02	1	8		60	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	6	62	342	32	0		
2	TD5	14	15	101	934	0	12		
3	TD3	3	5	38	197	0	10		
TOTAL		22	26	201	1.473	32	22		
WEIGHT KG				201	1.473	32			

GRAND TOTAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

